

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/DS-ST
Ngày: 28-4-2021
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Lin,

2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 684/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

Trụ sở: Lầu 8, 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Diễm: Ông Lê Văn H – Phó Giám đốc chi nhánh kiêm Trưởng phòng giao dịch. (Quyết định số: 3979/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020)

Ủy quyền lại cho ông Huỳnh Thanh M (Giấy uỷ quyền số: 57/2021/GUQ-PGD ĐH ngày 27/4/2021) (có mặt)

Bị đơn: Phạm Trường T, sinh năm 1992. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp BT1, xã ĐHH, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 11 năm 2020, các lời khai và tại phiên tòa ông Huỳnh Thanh M đại diện cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín trình bày như sau:

Ngày 14/4/2014, ông T có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, hạn mức tín dụng là 9.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,15%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 8.800.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2.400.000 đồng.

Ngày 05/01/2015, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ, do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay, yêu cầu ông Phạm Trường T phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 28/4/2021 là 31.037.494 đồng (ba mươi một triệu không trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng), trong đó: Nợ gốc là 8.803.815 đồng; Lãi quá hạn là 22.233.679 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/4/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” nên Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý và các thủ tục theo pháp luật quy định, nhưng bị đơn ông T vẫn vắng mặt. Đại diện nguyên đơn ông Lê Văn H có đơn đề nghị không hòa giải nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[1.3]. Tại phiên tòa, ông T đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, biết được yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng ông T không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định ngày 14/4/2014, ông T có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, hạn mức tín dụng là 9.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất

2,15%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 8.800.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2.400.000 đồng. Đến ngày 05/01/2015, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên toàn bộ dư nợ còn thiếu chuyển sang nợ quá hạn. Do đó Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín yêu cầu ông T trả số tiền tính đến ngày 28/4/2021 là 31.037.494 đồng (ba mươi một triệu không trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng), trong đó: Nợ gốc là 8.803.815 đồng; Lãi quá hạn là 22.233.679 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/4/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng là có căn cứ, phù hợp với Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điểm d Khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điểm d Khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” đối với ông Phạm Trường T.

Buộc ông T trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền 31.037.494 đồng (ba mươi một triệu không trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng), trong đó: Nợ gốc là 8.803.815 đồng; Lãi quá hạn là 22.233.679 đồng, sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng.

2. Án phí: Ông T phải chịu 1.551.874 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước; Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn

Thương Tín số tiền 736.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0006894 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Sơn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

